

Số: /QĐ-SNN

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện Dự toán thu – chi ngân sách Quý II và 6 tháng đầu năm 2024 của Cơ quan Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định

Căn cứ Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý II và 6 tháng đầu năm 2024 của Cơ quan Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định (chi tiết theo 02 biểu số 3 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Sở và Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Đắc Chương

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh

Bình Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 412

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ II - NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Q2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Q2/2024 này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Ghi Chú
1	2	3	4	5	6	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	180.000.000	0	0,00%	0,00%	
1	Lệ phí	0	0			
2	Phí	180.000.000	0	0,00%	0,00%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	162.000.000	20.377.789	12,58%	133,19%	
1	Chi sự nghiệp	0	0			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0			
2	Chi quản lý hành chính	162.000.000	20.377.789	12,58%	133,19%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	106.920.000	0	0,00%	0,00%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	55.080.000	20.377.789	37,00%	135,85%	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	18.000.000	0	0,00%	0,00%	
1	Lệ phí	0	0			
2	Phí	18.000.000	0	0,00%	0,00%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.308.252.224	2.394.151.736	23,23%	127,38%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.308.252.224	2.394.151.736	23,23%	127,38%	
1	Chi quản lý hành chính	8.852.487.224	2.320.507.447	26,21%	127,58%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (cả CCTL)	7.890.611.812	2.030.228.253	25,73%	121,31%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	961.875.412	290.279.194	30,18%	199,69%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	189.000.000	-	0,00%		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	189.000.000	-	0,00%		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế	1.266.765.000	73.644.289	5,81%	132,72%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.266.765.000	73.644.289	5,81%	132,72%	

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Ghi Chú
1	2	3	4	5	6	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	180.000.000	0	0,00%	0,00%	
1	Lệ phí	0	0			
2	Phí	180.000.000	0	0,00%	0,00%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	162.000.000	30.130.789	18,60%	177,97%	
1	Chi sự nghiệp	0	0			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0			
2	Chi quản lý hành chính	162.000.000	30.130.789	18,60%	177,97%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	106.920.000	9.753.000	9,12%	505,34%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	55.080.000	20.377.789	37,00%	135,85%	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	18.000.000	0	0,00%	0,00%	
1	Lệ phí	0	0			
2	Phí	18.000.000	0	0,00%	0,00%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.308.252.224	4.419.270.810	42,87%	235,12%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.308.252.224	4.419.270.810	42,87%	235,12%	
1	Chi quản lý hành chính	8.852.487.224	4.313.376.356	48,73%	237,14%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (cả CCTL)	7.890.611.812	3.969.308.002	50,30%	237,18%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	961.875.412	344.068.354	35,77%	236,69%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	189.000.000	-	0,00%		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	189.000.000	-	0,00%		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế	1.266.765.000	105.894.454	8,36%	190,84%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.266.765.000	105.894.454	8,36%	190,84%	

